PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐẠI DIỆN GIAO KẾT HỢP ĐỒNG KINH DOANH VÀ GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG THỰC TIỄN

HOÀNG MINH CHIẾN *

Tóm tắt: *Pháp luật Việt Nam hiện hành đã xây dựng khuôn khổ pháp lí tương đối đầy đủ về đại diện giao kết hợp đồng, bao gồm căn cứ xác lập, phạm vi đại diện, hậu quả pháp lí của hành vi không có quyền đại diện hoặc vượt quá đại diện, cơ chế kiểm soát giao dịch giá trị lớn và giao dịch có xung đột lợi ích. Tuy nhiên, việc vận dụng các quy định này trong thực tiễn vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần được làm rõ. Trên cơ sở phân tích pháp luật Việt Nam và tham chiếu kinh nghiệm pháp luật nước ngoài, bài viết làm rõ cơ sở lí luận và những nội dung cơ bản của chế định đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh. Từ hai tình huống thực tiễn được ẩn danh hoá, bài viết phân tích các phương án áp dụng pháp luật nhằm xác định người đại diện hợp pháp, đánh giá hiệu lực giao dịch và đề xuất hướng xử lí phù hợp.*

Từ khoá: Đại diện theo pháp luật; đại diện theo ủy quyền; phạm vi đại diện; giao kết hợp đồng kinh doanh; xung đột lợi ích; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Bộ luật Dân sự năm 2015

Nhận bài: 24/10/2025 Hoàn thành biên tập: 30/6/2026 Duyệt đăng: 30/6/2026

VIETNAMESE LAW ON REPRESENTATION IN THE FORMATION OF COMMERCIAL CONTRACTS AND ITS APPLICATION IN PRACTICE

Abstract: *Vietnamese law has established a relatively comprehensive legal framework governing representation in the formation of contracts, including the grounds for establishing representative authority, the scope of representation, the legal consequences of acts performed without authority or beyond the scope of authority, and mechanisms for controlling major transactions and transactions involving conflicts of interest. Nevertheless, the application of these provisions in practice continues to raise issues that require further clarification. Through an analysis of Vietnamese law and reference to selected foreign legal experiences, this article clarifies the theoretical foundations and principal legal aspects of representation in the formation of commercial contracts. Drawing upon two anonymised practical cases, the article examines different approaches to the application of law for determining the lawful representative, assessing the validity of transactions, and proposing appropriate legal solutions.*

Keywords: Legal representation; representation by authorisation; scope of authority; formation of commercial contracts; conflict of interest; 2020 Law on Enterprises; 2015 Civil Code

Received: 24 October 2025; Editing completed: 30 June 2026; Accepted for publication: 30 June 2026

DOI: *https://doi.org/10.67496/j.hlu.15838*

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, phần lớn giao dịch kinh doanh được xác lập thông qua cơ chế đại diện. Đối với doanh nghiệp, việc tham gia giao kết hợp đồng luôn được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền. Vì vậy, việc xác định đúng chủ thể đại diện và thẩm quyền đại diện có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu lực của hợp đồng và sự an toàn của giao dịch.

*** Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội**
E-mail: chien.hm@hlu.edu.vn

Sự phát triển của mô hình quản trị doanh nghiệp đa tầng, hiện đại, đặc biệt khi một cá nhân có thể đại diện cho nhiều chủ thể khác nhau đã nảy sinh nhiều tình huống pháp lí phức tạp liên quan đến giao kết hợp đồng. Trên thực tế, nhiều tranh chấp phát sinh từ việc xác định chủ thể đại diện, phạm vi đại diện và xử lí các giao dịch có dấu hiệu xung đột lợi ích. Trong khi đó, một số tình huống thực tiễn chưa được pháp luật quy định trực tiếp hoặc chưa có hướng dẫn áp dụng thống nhất.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh, đồng thời vận dụng pháp luật hiện hành để phân tích và giải quyết tình huống thực tiễn, qua đó góp phần làm rõ cách thức xử lí các trường hợp phát sinh xung đột đại diện hoặc xung đột lợi ích trong hoạt động giao kết hợp đồng kinh doanh.

2. Nhận thức chung về đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh

Chế định đại diện giữ vị trí trung tâm trong pháp luật dân sự và pháp luật doanh nghiệp, cho phép cá nhân, pháp nhân tham gia giao dịch thông qua người nhân danh mình xác lập, thực hiện quyền và nghĩa vụ. Để làm rõ cơ sở của việc áp dụng pháp luật về đại diện trong giao kết hợp đồng kinh doanh, trước hết cần xem xét những vấn đề lí luận nền tảng liên quan đến khái niệm, bản chất pháp lí, chủ thể, phạm vi đại diện và vai trò của người đại diện trong hoạt động kinh doanh.

2.1. Khái niệm, bản chất pháp lí và sự hình thành chế định đại diện

Đại diện là một chế định pháp lí xuất hiện cùng với nhu cầu mở rộng các quan hệ dân sự, thương mại và sự hình thành của các tổ chức có tư cách pháp lí độc lập. Theo Điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2015, đại diện là việc cá nhân hoặc pháp nhân nhân danh và vì lợi ích của cá nhân hoặc pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Từ góc độ khoa học pháp lí, đại diện là cơ chế pháp lí theo đó hành vi của một chủ thể làm phát sinh trực tiếp quyền, nghĩa vụ cho chủ thể khác trên cơ sở quyền đại diện được pháp luật hoặc người được đại diện thừa nhận.

Bản chất pháp lí của đại diện nằm ở sự tách biệt giữa chủ thể thực hiện hành vi và chủ thể gánh chịu hậu quả pháp lí của hành vi đó. Người đại diện trực tiếp tham gia giao dịch nhưng không xác lập quyền, nghĩa vụ cho chính mình; quyền và nghĩa vụ phát sinh thuộc về người được đại diện trong phạm vi đại diện hợp pháp. Đặc điểm này cho phép phân biệt đại diện với môi giới hoặc cung ứng dịch vụ. Trong hoạt động kinh doanh, cơ chế đại diện cho phép pháp nhân (chủ thể pháp lí trừu tượng) tham gia giao lưu dân sự, thương mại thông qua hành vi của các cá nhân cụ thể.

Về chủ thể, quan hệ đại diện gồm người đại diện và người được đại diện. Người được đại diện và người đại diện có thể là cá nhân hoặc pháp nhân nếu đáp ứng điều kiện luật định. Căn cứ xác lập quyền đại diện được quy định tại Điều 135 Bộ luật Dân sự năm 2015, bao gồm đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền. Đại diện theo pháp luật phát sinh từ quy định của pháp luật, điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đại diện theo ủy quyền phát sinh từ ý chí của các bên thông qua hành vi pháp lí đơn phương hoặc hợp đồng ủy quyền.

Phạm vi đại diện là giới hạn quyền năng pháp lí mà người đại diện được thực hiện

nhân danh người được đại diện. Hành vi vượt quá phạm vi đại diện về nguyên tắc không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ trường hợp luật quy định hoặc người được đại diện chấp thuận. Việc xác định đúng phạm vi đại diện có ý nghĩa quan trọng trong giao kết hợp đồng kinh doanh, đây là căn cứ đánh giá hiệu lực giao dịch và trách nhiệm pháp lí của các bên khi phát sinh tranh chấp.

Xét về lịch sử phát triển, chế định đại diện không xuất hiện ngay từ giai đoạn đầu của lịch sử pháp luật. Trong thời kì sơ khai, khi các quan hệ pháp lí chủ yếu được xác lập trực tiếp giữa các cá nhân, nhu cầu về đại diện chưa thực sự xuất hiện. Luật La Mã cổ điển chủ yếu thừa nhận con người tự nhiên là chủ thể trung tâm của quan hệ pháp luật và chưa xây dựng học thuyết hoàn chỉnh về pháp nhân và đại diện theo nghĩa hiện đại. Barry Nicholas cho rằng pháp luật La Mã đã ghi nhận sự tồn tại của một số tổ chức tập thể nhưng chưa phát triển thành học thuyết tổng quát về pháp nhân như các hệ thống pháp luật hiện đại[1]. Theo Rodríguez Díez, từ thế kỉ XIX, nhiều học giả cho rằng pháp luật La Mã thời kì đầu không thừa nhận hình thức đại diện trực tiếp[2].

Từ thế kỉ XII, cùng với sự phát triển của giáo luật và các tổ chức tôn giáo, học thuyết persona ficta (nhân cách pháp lí giả định) dần hình thành để lí giải tư cách pháp lí của giáo hội, trường đại học và các hội đoàn. Harold J. Berman nhận định rằng đây là bước ngoặt quan trọng trong lịch sử pháp luật phương Tây khi tư duy pháp lí chuyển từ việc chỉ thừa nhận các cá nhân cụ thể sang việc thừa nhận các tổ chức có nhân cách pháp lí độc lập[3]. Khi tổ chức được thừa nhận là chủ thể pháp luật, nhu cầu để một cá nhân nhân danh tổ chức xác lập và thực hiện giao dịch cũng trở thành tất yếu. Sự phát triển đó là tiền đề quan trọng cho sự hình thành và hoàn thiện chế định đại diện trong pháp luật hiện đại.

Các hệ thống Civil Law (hệ thống pháp luật châu Âu lục địa) và Common Law (hệ thống thông luật) đã phát triển những học thuyết riêng về đại diện. Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804 xây dựng nền tảng cho chế định mandat (ủy quyền), trong khi Bộ luật Dân sự Đức năm 1896 phát triển học thuyết đại diện với hệ thống quy định tương đối hoàn chỉnh về phạm vi đại diện, vượt quá thẩm quyền và hiệu lực của hành vi đại diện[4]. Trong hệ thống Common Law, học thuyết agency (đại diện) cùng các khái niệm actual authority (thẩm quyền đại diện thực tế) và apparent authority (thẩm quyền đại diện biểu kiến) được hình thành nhằm bảo vệ an toàn và ổn định giao dịch, đặc biệt đối với bên thứ ba ngay tình[5].

Tại Việt Nam, chế định đại diện được ghi nhận và từng bước hoàn thiện qua các lần pháp điển hoá pháp luật dân sự. Từ Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Dân sự năm

---

[1] Barry Nicholas (1962), *An Introduction to Roman Law*, Clarendon Press, Oxford, tr. 60 - 61.

[2] Javier E. Rodríguez Díez (2017), "Primitive Prohibition of Direct Representation in Roman Law Scholarship: Origins, Sources and Flaws", *Fundamina*, Vol. 23, No. 2, tr. 62 - 80.

[3] Harold J. Berman (1983), *Law and Revolution: The Formation of the Western Legal Tradition*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, tr. 215 - 221.

[4] Code civil des Français (1804), arts. 1984 - 2010 [Tạm dịch: Bộ luật Dân sự Pháp năm 1804]; Bürgerliches Gesetzbuch (BGB), §§ 164 - 181, đặc biệt §§ 171 - 172 [Tạm dịch: Bộ luật Dân sự Đức].

[5] *Freeman & Lockyer v Buckhurst Park Properties (Mangal) Ltd* (1964) 2 QB 480; *Hely-Hutchinson v Brayhead Ltd* (1968) 1 QB 549.

2005 đến Bộ luật Dân sự năm 2015, các quy định về đại diện ngày càng làm rõ căn cứ xác lập, phạm vi đại diện và hậu quả pháp lí của giao dịch do người không có quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi đại diện[6]. Pháp luật Việt Nam hiện hành thể hiện xu hướng tăng cường an toàn giao dịch và bảo vệ người thứ ba trong những trường hợp luật định[7].

2.2. Chủ thể đại diện, phạm vi đại diện và vai trò của người đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh

Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, quan hệ đại diện gồm ba chủ thể cơ bản: người được đại diện, người đại diện và bên thứ ba tham gia giao dịch. Trong quan hệ này, người được đại diện thường là doanh nghiệp, người đại diện có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền, bên thứ ba là đối tác giao dịch với doanh nghiệp thông qua người đại diện.

Đối với doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật là cá nhân được pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp trao quyền nhân danh doanh nghiệp thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch. Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân hoặc pháp nhân khác thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật. Việc xác định đúng chủ thể đại diện có ý nghĩa quan trọng vì đây là cơ sở xác định hiệu lực giao dịch và trách nhiệm pháp lí của doanh nghiệp đối với các cam kết đã xác lập (các khoản 1, 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020; các điều 134, 135, 138, 139 Bộ luật Dân sự năm 2015).

Cùng với chủ thể đại diện, phạm vi đại diện là căn cứ trực tiếp xác định hiệu lực giao dịch và trách nhiệm pháp lí của người được đại diện. Theo Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015, người đại diện chỉ được xác lập, thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện được xác lập theo pháp luật, điều lệ hoặc nội dung ủy quyền. Trong thực tiễn kinh doanh, việc xác định không rõ phạm vi đại diện là nguyên nhân phổ biến dẫn đến tranh chấp về hiệu lực hợp đồng[8].

Phạm vi đại diện không chỉ giới hạn quyền của người đại diện mà còn bảo vệ doanh nghiệp, thành viên góp vốn, cổ đông và bên thứ ba. Cơ chế pháp lí về đại diện vượt quá phạm vi đại diện, đại diện không có thẩm quyền và bảo vệ bên thứ ba nhằm cân bằng giữa yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch và kiểm soát quyền lực nội bộ doanh nghiệp.

Trên cơ sở chủ thể và phạm vi đại diện được xác lập hợp pháp, người đại diện giữ vai trò trung tâm trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh, cụ thể:

Thứ nhất, người đại diện là điều kiện bảo đảm tính hợp pháp của việc xác lập hợp đồng. Trong hoạt động kinh doanh, ý chí của doanh nghiệp được thể hiện qua hành vi của người đại diện. Vì vậy, việc xác định đúng tư cách và thẩm quyền của người kí kết là cơ sở quan trọng để xác định hiệu lực của hợp đồng và trách nhiệm pháp lí của doanh nghiệp đối với giao dịch đã được xác lập[9].

---

[6] Đỗ Văn Đại (chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015,* sách chuyên khảo, xuất bản lần thứ 2, có bổ sung, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội, tr. 181, 191 - 195.

[7] Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam,* tập I, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr. 335 - 362.

[8] Đỗ Văn Đại (chủ biên) (2016), sđd, tr. 191 - 195.

[9] Đỗ Văn Đại (chủ biên) (2016), sđd, tr. 181 -185, 191-195.

Thứ hai, người đại diện là chủ thể trực tiếp bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong quá trình đàm phán, kí kết và thực hiện hợp đồng. Người đại diện có nghĩa vụ hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của doanh nghiệp, đồng thời phải tránh lạm quyền hoặc sử dụng quyền đại diện nhằm phục vụ lợi ích cá nhân (khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2020). Trong quá trình này, người đại diện còn có vai trò thẩm định tư cách pháp lí, năng lực thực hiện và mức độ tin cậy của đối tác nhằm hạn chế rủi ro và bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp. Vì vậy, chất lượng hoạt động của người đại diện ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản trị doanh nghiệp và khả năng phòng ngừa rủi ro pháp lí phát sinh từ giao dịch thương mại.

Thứ ba, người đại diện góp phần củng cố niềm tin và sự ổn định của môi trường kinh doanh. Việc công khai tư cách, thẩm quyền và phạm vi đại diện giúp bên thứ ba có cơ sở xác lập niềm tin hợp lí khi giao dịch với doanh nghiệp. Pháp luật bảo vệ an toàn giao dịch thông qua các quy định về hậu quả của giao dịch do người không có quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi đại diện và về hiệu lực của hạn chế quyền đại diện đối với bên thứ ba (các điều 142, 143 Bộ luật Dân sự năm 2015; các khoản 1, 2 Điều 184 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Thứ tư, cơ chế đại diện còn là công cụ quản trị nội bộ quan trọng của doanh nghiệp. Các quy định về phân quyền, ủy quyền, phê chuẩn giao dịch và giám sát việc thực hiện quyền đại diện không chỉ mang ý nghĩa kĩ thuật pháp lí mà còn là phương thức kiểm soát quyền lực trong doanh nghiệp, bảo đảm sự cân bằng giữa quyền hạn và trách nhiệm của người quản lí (Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 12, 13, 67, 86, 167, 180 và khoản 2 Điều 184 Luật Doanh nghiệp năm 2020).

Như vậy, chủ thể đại diện, phạm vi đại diện và vai trò của người đại diện là ba yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành nền tảng lí luận của chế định đại diện trong giao kết hợp đồng kinh doanh. Việc nhận thức đúng các yếu tố này có ý nghĩa quan trọng đối với việc áp dụng pháp luật về đại diện, đồng thời là cơ sở để phân tích, giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

3. Đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh

Tranh chấp trong kinh doanh thường không khởi nguồn từ nội dung thỏa thuận mà phổ biến phát sinh từ tư cách chủ thể, thẩm quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi đại diện. Vì vậy, nghiên cứu cơ chế xác lập thẩm quyền đại diện, phạm vi đại diện và hệ quả pháp lí của hành vi đại diện có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động kinh doanh.

3.1. Đại diện theo pháp luật

Đại diện theo pháp luật của cá nhân và đại diện theo pháp luật của pháp nhân được quy định tương ứng tại Điều 136 và Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2015. Một trong những điểm đổi mới của Bộ luật Dân sự năm 2015 là thừa nhận một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật. Quy định này tạo cơ sở pháp lí cho mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, đa tầng phù hợp với yêu cầu phân công, phân nhiệm và kiểm soát quyền lực trong hoạt động kinh doanh.

Theo khoản 1 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022 và năm 2025, sau đây gọi chung là Luật Doanh nghiệp năm 2020), người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho

doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp; đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, toà án và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã ghi nhận công ti trách nhiệm hữu hạn và công ti cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ti xác định cụ thể số lượng, chức danh quản lí, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp điều lệ không phân định rõ phạm vi quyền hạn thì mỗi người đại diện theo pháp luật đều được xem là người đại diện đầy đủ thẩm quyền của doanh nghiệp trước bên thứ ba và phải chịu trách nhiệm liên đới đối với thiệt hại phát sinh cho doanh nghiệp.

Việc cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật phản ánh sự thay đổi trong tư duy quản trị doanh nghiệp. Trong điều kiện hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng về quy mô, lĩnh vực và địa bàn hoạt động, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có cơ cấu quản trị phức tạp, đa tầng, mô hình một người đại diện theo pháp luật có thể làm giảm tính linh hoạt trong điều hành và gia tăng chi phí quản lí.

Trước khi pháp luật cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, các doanh nghiệp thường ủy quyền cho nhà quản lí cấp dưới hoặc người phụ trách từng lĩnh vực, địa bàn kinh doanh để xử lí công việc hằng ngày. Mặc dù tạo ra sự linh hoạt nhất định, người được ủy quyền vẫn phải hành động trong phạm vi được ủy quyền. Trong nhiều trường hợp, việc phụ thuộc vào cơ chế ủy quyền có thể kéo dài quá trình ra quyết định, giảm khả năng nắm bắt cơ hội kinh doanh và ảnh hưởng đến hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Từ yêu cầu thực tiễn đó, nhiều hệ thống pháp luật thuộc truyền thống Civil Law và Common Law đã cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật hoặc nhiều người quản lí có quyền đại diện đối ngoại nhằm phân công chức năng quản trị, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng tính linh hoạt trong hoạt động kinh doanh. Kinh nghiệm pháp luật Đức cho thấy, công ti trách nhiệm hữu hạn (GmbH) có thể có một hoặc nhiều giám đốc điều hành (Geschäftsführer)[10]. Việc bổ nhiệm nhiều Geschäftsführer giúp doanh nghiệp phân công trách nhiệm quản lí và tổ chức đại diện linh hoạt. Pháp luật công ti của Anh cũng thừa nhận mô hình nhiều giám đốc, theo Điều lệ mẫu áp dụng cho công ti tư nhân giới hạn bằng cổ phần, các giám đốc quản lí hoạt động của công ti, quyết định tập thể và có thể ủy quyền theo điều lệ[11]. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm tính linh hoạt trong quản trị doanh nghiệp và đáp ứng yêu cầu điều hành của các công ti có quy mô, phạm vi hoạt động khác nhau. Pháp luật Việt Nam tiếp thu xu hướng này khi ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2014, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 hiện hành.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định người đại diện theo pháp luật đối với từng

[10] Gesetz betreffend die Gesellschaften mit beschränkter Haftung (GmbHG), §§ 6, 35 [Tạm dịch: Luật về Công ti trách nhiệm hữu hạn của Đức].

[11] Companies Act 2006, s. 154; The Companies (Model Articles) Regulations 2008, Schedule 1, arts. 3, 5, 7.

loại hình doanh nghiệp theo hướng bảo đảm sự tương thích với cơ cấu tổ chức quản lí của doanh nghiệp: Đối với công ti trách nhiệm hữu hạn và công ti cổ phần, người đại diện theo pháp luật thường là chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch công ti, chủ tịch hội đồng quản trị hoặc giám đốc (tổng giám đốc), tùy theo mô hình quản trị và quy định của điều lệ công ti; Các thành viên hợp danh là người đại diện theo pháp luật của công ti hợp danh; Mọi hạn chế của thành viên hợp danh chỉ có hiệu lực với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó (khoản 3 Điều 54, khoản 3 Điều 79, khoản 2 Điều 137, khoản 1 Điều 184). Những quy định này thể hiện sự gắn kết giữa quyền đại diện với cơ cấu quản trị nội bộ của từng loại hình doanh nghiệp.

Khi đánh giá tính hợp pháp của việc giao kết hợp đồng, xác định tư cách đại diện là cần thiết nhưng chưa đủ, cần phải xem xét cả việc tuân thủ cơ chế phê duyệt nội bộ đối với giao dịch giá trị lớn và giao dịch có xung đột lợi ích. Đây là cơ chế nhằm hạn chế nguy cơ lạm quyền và bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và các chủ thể liên quan. Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định thẩm quyền phê duyệt giao dịch giá trị lớn tại các điều 55, 76, 138, 153 và 182; đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích tại các điều 67, 86, 167, 180 và khoản 2 Điều 184.

Các quy định trên cho thấy, pháp luật Việt Nam hiện hành không chỉ xác định ai là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mà còn xây dựng hệ thống kiểm soát quyền lực đối với người đại diện thông qua các cơ chế phê duyệt nội bộ, kiểm soát giao dịch giá trị lớn và kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích. Điều này cho thấy tư duy lập pháp hiện đại không xem quyền đại diện là quyền năng tuyệt đối mà đặt quyền năng đó trong mối quan hệ cân bằng với trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát nội bộ doanh nghiệp[12].

Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Toà án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử giải đáp trường hợp người đại diện theo pháp luật của công ti trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên kí hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thông qua của hội đồng thành viên nhưng hồ sơ vay không có biên bản họp hội đồng thành viên. Theo giải đáp, giao dịch được xác định là vượt quá phạm vi đại diện; việc giao dịch có làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của công ti hay không phải được xem xét theo Điều 143 Bộ luật Dân sự năm 2015, trong đó việc công ti nhận, sử dụng và hạch toán khoản vay có thể là căn cứ xác định công ti đồng ý với giao dịch. Nội dung này cho thấy cần phân biệt thẩm quyền đại diện đối ngoại với cơ chế phê duyệt nội bộ và đánh giá đầy đủ quá trình thực hiện giao dịch.

3.2. Đại diện theo ủy quyền

Bên cạnh đại diện theo pháp luật, đại diện theo ủy quyền là cơ chế phổ biến trong hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu phân công, phân cấp quản lí và bảo đảm tính linh hoạt trong việc xác lập, thực hiện giao dịch. Nếu đại diện theo pháp luật được xác lập trực tiếp bởi quy định của pháp luật hoặc

[12] Nguyễn Thị Anh, Trần Huỳnh Thanh Nghị và Nguyễn Ngọc Trâm Anh (2025), "Học thuyết đại diện và vấn đề kiểm soát các giao dịch có khả năng tư lợi trong công ti cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020", *Tạp chí Khoa học Pháp lí Việt Nam*, số 04(188), tr. 34 - 36.

điều lệ doanh nghiệp thì đại diện theo ủy quyền được hình thành từ ý chí của người được đại diện thông qua việc trao quyền cho chủ thể khác thực hiện một hoặc một số công việc nhất định trong phạm vi được giao.

Theo Điều 138 Bộ luật Dân sự năm 2015, cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân hoặc pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Các thành viên hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể cử cá nhân hoặc pháp nhân đại diện theo ủy quyền để xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi có thể là người đại diện theo ủy quyền, trừ trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải do người từ đủ mười tám tuổi trở lên xác lập hoặc thực hiện.

Trong thực tiễn doanh nghiệp, đại diện theo ủy quyền thường được thiết lập dưới dạng ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền theo vụ việc, tùy thuộc nhu cầu quản trị và tính chất của giao dịch.

Bộ luật Dân sự năm 2015 thể hiện cách tiếp cận linh hoạt hơn đối với chế định ủy quyền, không còn yêu cầu ủy quyền phải bằng văn bản và cấm ủy quyền lại như quy định tại Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế năm 1989. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, việc ủy quyền có thể được xác lập bằng văn bản, bằng lời nói hoặc thông qua hành vi cụ thể thể hiện ý chí của các bên, trừ trường hợp pháp luật quy định phải lập thành văn bản hoặc phải được công chứng, chứng thực. Cách tiếp cận này phù hợp với nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận của pháp luật dân sự hiện đại, đồng thời tạo thuận lợi cho các chủ thể trong quá trình giao kết và thực hiện giao dịch.

Trong thực tiễn, thường đặt ra câu hỏi: người được ủy quyền có được ủy quyền lại không? Theo Điều 564 Bộ luật Dân sự năm 2015, người được ủy quyền được ủy quyền lại cho người khác trong các trường hợp: 1) Có sự đồng ý của bên ủy quyền; 2) Do sự kiện bất khả kháng nếu không áp dụng ủy quyền lại thì mục đích xác lập, thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của người ủy quyền không thể thực hiện được. Tuy nhiên, việc ủy quyền lại phải tuân thủ hai điều kiện: không vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu và hình thức phù hợp với hình thức ủy quyền ban đầu.

Bộ luật Dân sự năm 2015 không đặt ra giới hạn cụ thể về phân cấp ủy quyền lại. Điều này xuất phát từ nguyên tắc tự do dân sự, theo đó cá nhân và pháp nhân được làm những gì pháp luật không cấm. Tuy nhiên, trong môi trường quản trị doanh nghiệp, việc cho phép ủy quyền lại nhiều tầng nấc có thể làm gia tăng nguy cơ vượt quá thẩm quyền, khó kiểm soát trách nhiệm và phát sinh tranh chấp liên quan đến hiệu lực giao dịch. Vì vậy, các doanh nghiệp thường quy định trong điều lệ hoặc quy chế nội bộ giới hạn về phạm vi, điều kiện và phân cấp ủy quyền lại nhằm bảo đảm tính minh bạch trong quản trị và an toàn giao dịch.

Từ góc độ quản trị doanh nghiệp, đại diện theo ủy quyền giúp doanh nghiệp phân bổ nguồn lực quản lí, nâng cao tính linh hoạt trong điều hành và rút ngắn quy trình ra quyết định. Tuy nhiên, ưu điểm này luôn đi kèm rủi ro pháp lí nếu phạm vi, nội dung hoặc thời hạn ủy quyền không được xác định rõ.

Điều 142 và Điều 143 Bộ luật Dân sự năm 2015 không tuyệt đối phủ nhận hiệu lực của giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập hoặc do người đại diện xác lập

vượt quá phạm vi đại diện. Các giao dịch này vẫn có thể phát sinh hiệu lực khi người được đại diện chấp thuận, biết mà không phản đối trong thời hạn hợp lí hoặc có lỗi làm cho bên kia không biết, không thể biết về việc không có quyền đại diện hoặc vượt quá phạm vi đại diện. Quy định này thể hiện cách tiếp cận cân bằng của pháp luật Việt Nam giữa việc bảo vệ người được đại diện và bảo đảm sự ổn định của giao dịch dân sự.

Thực tiễn xét xử đã ghi nhận tranh chấp về hiệu lực hợp đồng ủy quyền khi đối tượng ủy quyền liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Bản án số 726/2019/DS-PT ngày 15/8/2019 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hợp đồng ủy quyền liên quan đến phần quyền sử dụng đất chưa được xác định cụ thể và quyền của các thành viên khác trong hộ gia đình.

Bản án nêu trên cho thấy khi xem xét hiệu lực hợp đồng ủy quyền cần đối chiếu nội dung, đối tượng và phạm vi ủy quyền với quyền của người ủy quyền và quyền của các chủ thể liên quan. Trong hoạt động của doanh nghiệp, việc xác định rõ chủ thể được ủy quyền, phạm vi đại diện, thời hạn và trách nhiệm của các bên cũng góp phần bảo đảm hiệu lực hợp đồng và hạn chế tranh chấp.

Những quy định về chủ thể đại diện, phạm vi đại diện và cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích không chỉ có giá trị về mặt lí luận mà còn giữ vai trò định hướng trong việc giải quyết các tranh chấp và vướng mắc phát sinh trong hoạt động doanh nghiệp.

4. Áp dụng pháp luật về đại diện giao kết hợp đồng kinh doanh giải quyết tình huống thực tiễn

Các tình huống được phân tích dưới đây được tổng hợp và khái quát hoá từ những vướng mắc pháp lí phát sinh trong hoạt động quản trị và giao kết hợp đồng của doanh nghiệp mà tác giả tiếp cận trong quá trình nghiên cứu, tư vấn và tham gia các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về pháp luật doanh nghiệp. Do yêu cầu bảo mật thông tin, các dữ kiện nhận dạng đã được thay đổi hoặc lược bỏ nhưng vẫn bảo đảm phản ánh trung thực bản chất pháp lí của các vấn đề đặt ra.

4.1. Tình huống 1: Công ti giao kết hợp đồng mua tài sản thuộc sở hữu của chính người đại diện theo pháp luật của công ti

Ông HA là chủ sở hữu hợp pháp ngôi nhà/diện tích đất 500 m². Ông HA là Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ti TNHH MH.

Công ti TNHH MH có nhu cầu nhận chuyển nhượng ngôi nhà/diện tích đất 500 m² (nêu trên). Các bên đã cơ bản thống nhất dự thảo hợp đồng chuyển nhượng. Vấn đề pháp lí đặt ra là xác định chủ thể đại diện kí kết hợp đồng nhằm bảo đảm giao dịch được xác lập đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tình huống trên đặt ra vấn đề về xung đột lợi ích trong hoạt động đại diện của công ti. Theo đó, ông HA vừa là bên chuyển nhượng tài sản với tư cách cá nhân, vừa là người đại diện theo pháp luật của công ti nhận chuyển nhượng. Nếu ông HA đồng thời kí kết hợp đồng với cả hai tư cách, giao dịch có nguy cơ vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Một cá nhân, pháp nhân có thể đại diện cho nhiều cá nhân hoặc pháp*

nhân khác nhau nhưng không được nhân danh người được đại diện để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với chính mình hoặc với bên thứ ba mà mình cũng là người đại diện của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác". Quy định này nhằm ngăn ngừa nguy cơ người đại diện lạm dụng vị trí của mình để chi phối nội dung giao dịch, ảnh hưởng đến lợi ích của người được đại diện. Về bản chất, đây là cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích trong hoạt động đại diện[13]. Trong thực tiễn, giải pháp thường được lựa chọn là người đại diện theo pháp luật chỉ kí hợp đồng với tư cách bên bán và ủy quyền cho cá nhân khác của công ti kí kết hợp đồng với tư cách bên mua. Tuy nhiên, giải pháp này chủ yếu khắc phục vấn đề về chủ thể trực tiếp tham gia kí kết nhưng chưa loại bỏ hoàn toàn rủi ro xung đột lợi ích. Người được ủy quyền vẫn phải hành động trong phạm vi ủy quyền và thường bị ảnh hưởng bởi định hướng của người ủy quyền. Do đó, giao dịch vẫn cần được đặt dưới cơ chế kiểm soát và phê duyệt nội bộ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. Từ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, có thể xem xét hai giải pháp xử lí như sau:

Giải pháp 1: Bổ sung người đại diện theo pháp luật của công ti. Giải pháp này được xây dựng trên cơ sở khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 với Điều 12, Điều 54 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Công ti TNHH MH có thể sửa đổi Điều lệ để bổ sung người đại diện theo pháp luật. Người được bổ sung làm đại diện theo pháp luật thứ hai có thể là giám đốc (nếu ông HA không tiếp tục giữ chức vụ này), phó giám đốc hoặc người quản lí khác đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ti. Công ti TNHH MH đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp theo Điều 28 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Điều lệ công ti cần quy định rõ phạm vi quyền hạn của từng người đại diện theo pháp luật. Theo đó, Điều lệ công ti phân định người đại diện theo pháp luật thứ hai có thẩm quyền giao kết hợp đồng nhận chuyển nhượng tài sản từ ông HA.

Khi đó, hợp đồng sẽ được kí bởi:

- Ông HA với tư cách bên chuyển nhượng tài sản;

- Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ti TNHH MH với tư cách bên nhận chuyển nhượng.

Trong trường hợp này, nguy cơ vi phạm khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 được hạn chế đáng kể do việc kí kết hợp đồng được thực hiện bởi các chủ thể đại diện khác nhau. Tuy nhiên, giao dịch này vẫn thuộc "giao dịch giữa công ti với người có lợi ích liên quan" và vẫn phải tuân thủ cơ chế kiểm soát theo Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Đây là giải pháp bảo đảm mức độ an toàn pháp lí cao nhất vì xung đột lợi ích được xử lí ngay từ cơ chế tổ chức và phân định thẩm quyền đại diện của công ti.

Giải pháp 2: Áp dụng cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích. Giải pháp này được xây dựng trên cơ sở khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 với Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Trước khi giao kết hợp đồng, ông HA phải công khai giao dịch và gửi dự thảo hợp

[13] Đỗ Văn Đại (2020), *Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án,* Tập 1, xuất bản lần thứ tám, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 335 - 339.

đồng cùng các tài liệu liên quan cho hội đồng thành viên và kiểm soát viên (nếu có) theo quy định của Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Hội đồng thành viên Công ti TNHH MH xem xét, quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận giao dịch theo trình tự và điều kiện biểu quyết luật định. Thành viên có lợi ích liên quan không được tham gia biểu quyết đối với nội dung giao dịch này.

Trường hợp Hội đồng thành viên chấp thuận giao dịch, hợp đồng được kí kết trên cơ sở nghị quyết hợp lệ của cơ quan có thẩm quyền trong công ti. Khi đó, việc ông HA đồng thời tham gia giao dịch với tư cách bên chuyển nhượng và người đại diện theo pháp luật của bên nhận chuyển nhượng được xem xét trong mối liên hệ giữa Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020 với ngoại lệ được quy định tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015, theo đó giới hạn phạm vi đại diện không áp dụng trong trường hợp "pháp luật có quy định khác".

Nói cách khác, cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích theo Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020 có thể được xem là căn cứ pháp lí đặc thù cho phép giao dịch được thực hiện sau khi cơ quan có thẩm quyền của công ti xem xét, chấp thuận. Cách tiếp cận này phù hợp với mục đích của khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015, không tuyệt đối cấm mọi giao dịch có xung đột lợi ích mà bảo đảm các giao dịch đó được đặt dưới cơ chế kiểm soát khách quan, minh bạch và có sự chấp thuận của chủ thể có thẩm quyền.

Tình huống này cho thấy, không thể tiếp cận khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 một cách tách biệt khỏi cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích trong Luật Doanh nghiệp năm 2020. Mục đích của khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 là ngăn ngừa nguy cơ lạm dụng quyền đại diện dẫn đến xung đột lợi ích. Tuy nhiên, nguy cơ này không chỉ được kiểm soát bằng việc thay đổi người đại diện mà còn thông qua cơ chế phê chuẩn nội bộ doanh nghiệp, nhằm bảo đảm tính khách quan của quá trình ra quyết định.

Khi giao dịch đã được Hội đồng thành viên xem xét, chấp thuận theo Điều 67 Luật Doanh nghiệp năm 2020, việc áp dụng khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần được đặt trong mối liên hệ với cơ chế kiểm soát đặc thù này. Nói cách khác, cơ chế phê chuẩn giao dịch có lợi ích liên quan có thể được xem là phương thức khắc phục và kiểm soát nguy cơ xung đột lợi ích mà khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 hướng tới, qua đó bảo đảm sự hài hoà giữa yêu cầu kiểm soát quyền đại diện và yêu cầu bảo đảm an toàn, ổn định của giao dịch.

Từ góc độ quản trị doanh nghiệp, bổ sung người đại diện theo pháp luật và phân định lại thẩm quyền đại diện vẫn là giải pháp có tính phòng ngừa cao nhất. Tuy nhiên, trong những trường hợp doanh nghiệp đã thiết lập và vận hành hiệu quả cơ chế phê chuẩn giao dịch có lợi ích liên quan, việc thừa nhận giá trị pháp lí của cơ chế này cũng phù hợp với tinh thần của pháp luật doanh nghiệp hiện đại là kiểm soát xung đột lợi ích thông qua quản trị nội bộ thay vì tuyệt đối hoá các hạn chế hình thức của quyền đại diện.

4.2. Tình huống 2: Hai công ti cổ phần có cùng người đại diện theo pháp luật giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ti cổ phần AB và Công ti cổ phần MN là hai pháp nhân độc lập, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm

2020. Ông NH hiện là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của cả hai công ti. Công ti cổ phần AB và Công ti cổ phần MN có nhu cầu giao kết hợp đồng hợp tác kinh doanh nhằm khai thác cơ hội đầu tư và mở rộng hoạt động kinh doanh. Vấn đề pháp lí đặt ra là ông NH có thể đồng thời đại diện cả hai công ti để kí kết hợp đồng không và cần áp dụng cơ chế pháp lí nào để bảo đảm tính hợp pháp của giao dịch.

Đây là giao dịch giữa hai pháp nhân độc lập do cùng một người là đại diện theo pháp luật. Nếu ông NH đồng thời kí kết hợp đồng với tư cách người đại diện theo pháp luật của cả hai công ti thì giao dịch có nguy cơ bị hạn chế theo quy định tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thực tiễn, giải pháp thường được lựa chọn là ông NH uỷ quyền cho người khác kí hợp đồng. Tuy nhiên, giải pháp này vẫn tiềm ẩn rủi ro pháp lí tương tự như đã phân tích ở Tình huống 1.

Từ góc độ áp dụng pháp luật, có thể xem xét hai giải pháp xử lí sau đây:

Giải pháp 1: Bổ sung người đại diện theo pháp luật của một trong hai công ti. Giải pháp này được xây dựng trên cơ sở khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 12 và Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Theo đó, một trong hai công ti có thể sửa đổi điều lệ và đăng kí thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Điều 28 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Chẳng hạn, Điều lệ Công ti cổ phần AB có thể sửa đổi theo hướng: Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật hoặc bổ sung Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc đều là người đại diện theo pháp luật, đồng thời Điều lệ phân định rõ phạm vi thẩm quyền của từng chức danh đối với các loại giao dịch cụ thể.

Khi đó, hợp đồng sẽ được kí kết bởi:

- Người đại diện theo pháp luật của Công ti cổ phần AB là Chủ tịch Hội đồng quản trị (theo Điều lệ công ti);

- Ông NH với tư cách Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ti cổ phần MN.

Trong trường hợp này, giao dịch được xác lập bởi hai cá nhân đại diện độc lập và không còn thuộc trường hợp bị hạn chế theo khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là giải pháp có mức độ an toàn pháp lí cao vì xử lí trực tiếp nguyên nhân phát sinh xung đột.

Giải pháp 2: Áp dụng cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích. Giải pháp này được xây dựng trên cơ sở khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thiết lập cơ chế kiểm soát đối với những giao dịch có xung đột lợi ích. Xét về chủ thể, giao dịch này không thuộc các trường hợp được điều chỉnh trực tiếp tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Tuy nhiên, xét về bản chất pháp lí, đây vẫn là giao dịch tiềm ẩn nguy cơ xung đột lợi ích do cùng một cá nhân đồng thời đại diện cho cả hai bên giao dịch. Nguy cơ xung đột lợi ích, nhu cầu kiểm soát giao dịch và mục tiêu bảo vệ lợi ích công ti trong trường hợp này có tính chất tương đồng với các giao dịch có lợi ích liên quan được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định trực tiếp điều chỉnh trường hợp hai pháp nhân độc lập do cùng một người làm đại diện giao kết hợp đồng. Do đó, theo

nguyên tắc áp dụng tương tự pháp luật[14], có cơ sở vận dụng cơ chế kiểm soát giao dịch có lợi ích liên quan tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 để áp dụng đối với trường hợp này.

Theo hướng tiếp cận đó, nội dung giao dịch cần được trình cơ quan có thẩm quyền của mỗi công ti xem xét và chấp thuận theo trình tự luật định. Tùy thuộc vào nội dung Điều lệ và phạm vi thẩm quyền được giao, việc phê duyệt hợp đồng có thể thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Khi được cơ quan có thẩm quyền của hai công ti chấp thuận, có cơ sở xác định ông NH nhân danh cả hai bên kí kết hợp đồng, được xem như trường hợp ngoại lệ "pháp luật có quy định khác" được dự liệu tại khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tình huống 2 cũng cho thấy, thay đổi hoặc bổ sung người đại diện theo pháp luật và phân định rõ thẩm quyền đại diện trong Điều lệ công ti vẫn là giải pháp tối ưu cần lựa chọn. Cơ chế phê chuẩn nội bộ là giải pháp linh hoạt nhằm kiểm soát rủi ro pháp lí và bảo đảm tính minh bạch của giao dịch khi doanh nghiệp chưa điều chỉnh cơ chế đại diện.

Cơ chế phê chuẩn nội bộ đóng vai trò như một biện pháp kiểm soát khách quan nhằm bảo vệ lợi ích của công ti, cổ đông và các chủ thể liên quan. Việc áp dụng cơ chế kiểm soát giao dịch có xung đột lợi ích tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 theo nguyên tắc áp dụng tương tự pháp luật góp phần hài hoà mục tiêu bảo đảm an toàn giao dịch với yêu cầu kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động kinh doanh, phù hợp với mục tiêu điều chỉnh của pháp luật doanh nghiệp hiện đại. Điều này cũng phản ánh một khoảng trống pháp lí trong pháp luật doanh nghiệp hiện hành. Mặc dù Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã thiết lập cơ chế kiểm soát đối với nhiều loại giao dịch có lợi ích liên quan nhưng chưa trực tiếp điều chỉnh trường hợp hai pháp nhân độc lập có cùng người đại diện theo pháp luật giao kết hợp đồng. Trong khi đó, khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 lại đặt ra yêu cầu hạn chế đối với trường hợp một người đồng thời đại diện cho các bên trong cùng một giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Sự giao thoa giữa hai nhóm quy định này đòi hỏi phải giải thích và áp dụng pháp luật theo hướng bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

Từ góc độ hệ thống pháp luật, khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 và cơ chế kiểm soát giao dịch có lợi ích liên quan trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 cần được giải thích theo hướng bổ trợ cho nhau thay vì loại trừ lẫn nhau. Nếu khoản 3 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 được hiểu theo nghĩa tuyệt đối thì nhiều giao dịch đã được cơ quan quản trị có thẩm quyền của doanh nghiệp xem xét và chấp thuận vẫn có nguy cơ bị phủ nhận hiệu lực, làm suy giảm giá trị của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Luật Doanh nghiệp năm 2020 thiết lập. Vì vậy, việc đặt quy định của Bộ luật Dân sự trong mối liên hệ với cơ chế phê chuẩn giao dịch có lợi ích liên quan là cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật và đáp ứng yêu cầu an toàn giao dịch trong môi trường kinh doanh hiện đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Xem tiếp trang 84)

[14] Khoản 1 Điều 6 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Posed to Vietnam. Int. J Sup. Chain. Mgt Vol, 9(5), 1574", *International Journal of Supply Chain Management (IJSCM),* Vol 9, No. 5.
4. Nguyễn Hữu Trinh, Lê Văn Tấn, Lê Văn Đại (2021), "Quản trị công ti cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp Việt Nam", *Tạp chí Công thương,* số 13.
5. Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Đình Cung (2009), *công ti: vốn, quản lí và tranh chấp theo Luật Doanh nghiệp năm 2005,* Nxb. Tri thức.
6. Nguyễn Ngọc Khánh (2023), "Thiết chế ban kiểm soát trong công ti cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020", *Tạp chí Công thương,* số 9.
7. Nguyễn Thanh Tùng (2020), "Một số bất cập, hạn chế về thành lập, tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp theo luật doanh nghiệp năm 2014", *Tạp chí Công thương,* số 12.
8. Nguyễn Thị Ngọc Anh, Trịnh Thị Thu Hiền (2021), "Hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của hội đồng quản trị trong khuôn khổ quản trị công ti", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* https://danchuphapluat.vn//hoan-thien-phap-luat-nham-nang-cao-vai-tro-trach-nhiem-cua-hoi-dong-quan-tri-trong-khuon-kho-quan-tri-cong-ti
9. Trịnh Văn Tài (2020), "Hội đồng quản trị trong công ti cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020", *Tạp chí Công thương,* số 12.
10. Trương Nhật Quang (2016), *Pháp luật về doanh nghiệp: Các vấn đề pháp lí cơ bản,* Nxb. Dân trí, Hà Nội.
11. Vũ Thị Ngọc Dung (2022), "Quản trị công ti cổ phần - Một số vấn đề cần trao đổi", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật,* https://danchuphapluat.vn//quan-tri-cong-ti-co-phan-mot-so-van-de-can-trao-doi

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ ĐẠI DIỆN GIAO KẾT HỢP ĐỒNG KINH DOANH…

(tiếp theo trang 74)

1. Harold J. Berman (1983), *Law and Revolution: The Formation of the Western Legal Tradition,* Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts.
2. Đỗ Văn Đại (chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015,* sách chuyên khảo, xuất bản lần thứ 2, có bổ sung, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, Hà Nội.
3. Đỗ Văn Đại (2020), *Luật hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án,* Tập 1, xuất bản lần thứ tám, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Thị Anh, Trần Huỳnh Thanh Nghị và Nguyễn Ngọc Trâm Anh (2025), "Học thuyết đại diện và vấn đề kiểm soát các giao dịch có khả năng tư lợi trong công ti cổ phần theo Luật Doanh nghiệp năm 2020", *Tạp chí Khoa học Pháp lí Việt Nam,* số 04(188).
5. Barry Nicholas (1962), *An Introduction to Roman Law,* Clarendon Press, Oxford.
6. Javier E. Rodríguez Díez (2017), "Primitive Prohibition of Direct Representation in Roman Law Scholarship: Origins, Sources and Flaws", *Fundamina,* Vol. 23, No. 2.
7. Trường Đại học Luật Hà Nội (2022), *Giáo trình Luật dân sự Việt Nam,* tập I, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.